

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CB
TỈNH CB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2022/QĐST- HNGĐ

CB, ngày 04 tháng 4 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Hoàng Thị T** – Sinh năm 1980

HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 01, xã Ct, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Triệu Văn H** – Sinh năm 1977

HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 01, xã Ct, thành phố CB, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Hoàng Thị T – Sinh năm 1980

HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 01, xã Ct, thành phố CB, tỉnh CB.

Ông Triệu Văn H – Sinh năm 1977

HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 01, xã Ct, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị T và ông Triệu Văn H.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng bà Hoàng Thị T và ông Triệu Văn H có 02 con chung là Triệu Văn Kh (Giới tính: Nam; sinh ngày 06/5/1999) và Triệu Thị U (Giới tính: Nữ; Sinh ngày 18/10/2000). Hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, do đó các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về việc chia tài sản chung:** Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

Bà Hoàng Thị T và ông Triệu Văn H mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn.

Bà Hoàng Thị T tự nguyện nộp thay số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Triệu Văn H. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003119 ngày 10/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CB, tỉnh CB. Xác nhận bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường Duyệt T, TP CB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương